

# **FRIENDS PLUS 6 - UNIT 1: TOWNS AND CITIES - Tuần 4**

## **I. VOCABULARY:**

### **1/ Places in a town or city - (page 14)**

1. square (n): quảng trường
2. restaurant (n): nhà hàng
3. school (n): trường học
4. office building (n): tòa nhà văn phòng
5. train station (n): ga xe lửa
6. bus station (n): trạm xe buýt
7. bridge (n): cây cầu
8. café (n): quán cà phê
9. theatre (n): nhà hát
10. sports centre (n): trung tâm thể thao
11. library (n): thư viện
12. cinema (n): rạp chiếu phim
13. shop (n): cửa hàng
14. park (n): công viên
15. shopping centre (n): trung tâm mua sắm
16. market (n): chợ
17. monument (n): tượng đài
18. hotel (n): khách sạn
19. flat (n): căn hộ
20. street (n): con đường

### **2/ Talking about places in your town or city. Use the Key Phrases: - (page 15)**

***There is ( There's ) a / an ... : Có một ...***

Ex: There's a very big square in my town.

*(Có một quảng trường rất lớn trong thị trấn của tôi.)*

***There are some ... : Có một vài ...***

Ex: There are some bookstores near my house.

*(Có một vài nhà sách gần nhà tôi.)*

***My favourite place is ... : Nơi yêu thích của tôi là ...***

Ex: My favourite place is the local library.

*(Nơi yêu thích của tôi là thư viện địa phương.)*

***There is not (isn't) a/an ...: Không có một ...***

Ex: There isn't a modern office building in my town.

*(Trong thị trấn của tôi không có tòa nhà văn phòng hiện đại.)*

***There are not (aren't) any ...: Không có bất cứ ...***

Ex: There aren't any good restaurants near my house.

*(Gần nhà tôi không có nhà hàng nào ngon cả.)*

### 3/ Reading: A description of a cruise ship - (page 16)

1. on a cruise ship		: trên chiếc tàu hải trình
2. in a city		: trong thành phố
3. by the sea		: gần biển
4. fantastic	(a)	: thú vị
5. comfortable	(a)	: thoải mái
6. cabin	(n)	: khoang tàu
7. passenger	(n)	: hành khách
8. chef	(n)	: đầu bếp
9. swimming pool	(n.phr)	: hồ bơi
10. climbing wall	(n.phr)	: bức tường giả địa hình núi để leo

## II. LANGUAGE FOCUS: (page 17)

### 1. Is there..? / Are there...? / How many...?

a/ *Is there + (a/an) singular noun / uncountable noun ...?*

→ *Yes, there is..... / No, there isn't.....*

Ex: - Is there a school on the ship? – Yes, there is.

- Is there any milk in the fridge? – No, there isn't.

b/ *Are there + any + Plural Noun...?*

→ *Yes, there are.... / No, there aren't.....*

Ex: Are there any bridges? – Yes, there are some bridges across rivers and streets.

c/ *How many + plural noun + are there....?*

→ *There is..... / There are.....*

Ex: How many swimming pools are there? – There is one in District 1.

➤ Lưu ý: Chúng ta dùng “some” cho câu khẳng định và dùng “any” cho câu phủ định và câu hỏi.

### 2. Definite and zero articles

- Use “a / the” to talk about one particular thing. (Dùng “a / the” để nói về một thứ cụ thể.)

Ex: There are lots of things to do on the cruise ship.

- Use “zero article” to talk about things in general. (Không sử dụng mạo từ khi nói về những cái chung.)

Ex: I think climbing is an exciting sport.

